

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY - MEKOVET
NĂM 2021

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1200505472
- Vốn điều lệ: 50.000.380.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.380.000 đồng
- Địa chỉ: khu phố 1, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
- Số điện thoại: 02733710769
- Website: cailayvetco@cailayvetco.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): MKV

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy tiền thân là Công ty Chăn nuôi Thú y Cai Lậy được thành lập vào tháng 06/1990 trên cơ sở sáp nhập Trạm Thú y huyện Cai Lậy và Liên hiệp Xí nghiệp chăn nuôi huyện Cai Lậy. Sau hơn 30 năm hình thành và phát triển Công ty đã trải qua những cột mốc đáng nhớ như sau:

Ngày 24/06/1998 Công ty Chăn nuôi Thú y Cai Lậy được sáp nhập vào Xí nghiệp Dược Thú y Tiền Giang theo Quyết định số 1703/1998 QĐ-UB của UBND tỉnh Tiền Giang. (Xí nghiệp Dược thú y Tiền Giang được thành lập theo quyết định số 1542 ngày 14/07/1995 của UBND tỉnh Tiền Giang).

Ngày 25/08/1998, Xí nghiệp Dược Thú y Tiền Giang được chính thức đổi tên thành Công ty Chăn nuôi Thú y Cai Lậy với tên giao dịch MEKOVET theo Quyết định số 2290/QĐ-UB của UBND tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11/11/2002 UBND tỉnh Tiền Giang ra quyết định số 4630/QĐ-UB chuyển Công ty Chăn nuôi Thú y Cai Lậy thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 5 tỷ đồng. Là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa với vốn góp của Nhà nước là 2 tỷ đồng tương đương 40% vốn điều lệ và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01/2003 với tên gọi Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy.

Ngày 25/05/2006 được sự chấp thuận của UBND tỉnh Tiền Giang Công ty đã thực hiện thành công bán đấu giá 40% vốn sở hữu của Nhà nước cho cổ đông bên ngoài.

Ngày 12/01/2008 công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua nghị quyết đại hội:

- Tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng qua hai giai đoạn;
- Bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông của Công ty;
- Đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

- Chọn đơn vị tư vấn niêm yết là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia;
- Chọn đơn vị kiểm toán là Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính - ACA Group.

Sự kiện quan trọng là ngày 21/11/2008 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch phiên đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là MKV theo Quyết định số 406/QĐ-TTGDHN ngày 12/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 22/07/2011 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ lên 30 tỷ đồng giao cho hội đồng quản trị chọn hình thức tăng vốn. Cũng trong ngày này Đại hội cũng bầu ra HĐQT mới nhiệm kỳ III năm 2011 – 2015.

Ngày 11/08/2012 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường đã bầu ra HĐQT mới nhiệm kỳ III năm 2011 – 2015.

Ngày 18/04/2013 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã bầu ra HĐQT mới nhiệm kỳ III năm 2011 – 2015.

Ngày 27/04/2014 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ III năm 2011-2015

Ngày 21/04/2017 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV năm 2017-2022

Trên 30 năm phát triển, Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy – MEKOVET luôn nỗ lực phấn đấu, hỗ trợ hiệu quả cao nhất cho người chăn nuôi cả nước thông qua các sản phẩm thú y, thú y thủy sản, dinh dưỡng bổ sung với chất lượng tốt nhất. Mục tiêu hoạt động của chúng tôi là hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, mang đến giá trị cao nhất cho người chăn nuôi, giúp thúc đẩy ngành nông nghiệp đất nước phát triển thông qua các hoạt động hiệu quả của Công ty và trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thuốc thú y, thuốc thủy sản.

Kể từ khi bắt đầu hoạt động cho đến nay, Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy – MEKOVET luôn tự hào là người bạn đồng hành đáng tin cậy của người chăn nuôi Việt Nam. Nguyên liệu đầu vào luôn được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo sản xuất ra được những sản phẩm tốt nhất phục vụ cho nhà chăn nuôi.

Đứng trước tiến trình hội nhập ngày càng mạnh mẽ của Việt Nam, chúng tôi đã xác định phải xây dựng thế mạnh cạnh tranh cả về chất và lượng, từ đó không ngừng đổi mới phương thức quản lý, kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, liên tục cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành, tăng chất lượng hậu mãi... nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy – MEKOVET tin tưởng với cơ sở nhà máy sản xuất hiện đại theo tiêu chuẩn WHO GMP/GSP/GLP và đội ngũ cán bộ, công nhân viên chuyên môn cao sẽ ngày càng tạo ra lợi ích thiết thực cho Quý khách hàng, đối tác và cổ đông; cam kết góp phần nâng cao hiệu quả cho người chăn nuôi Việt Nam.

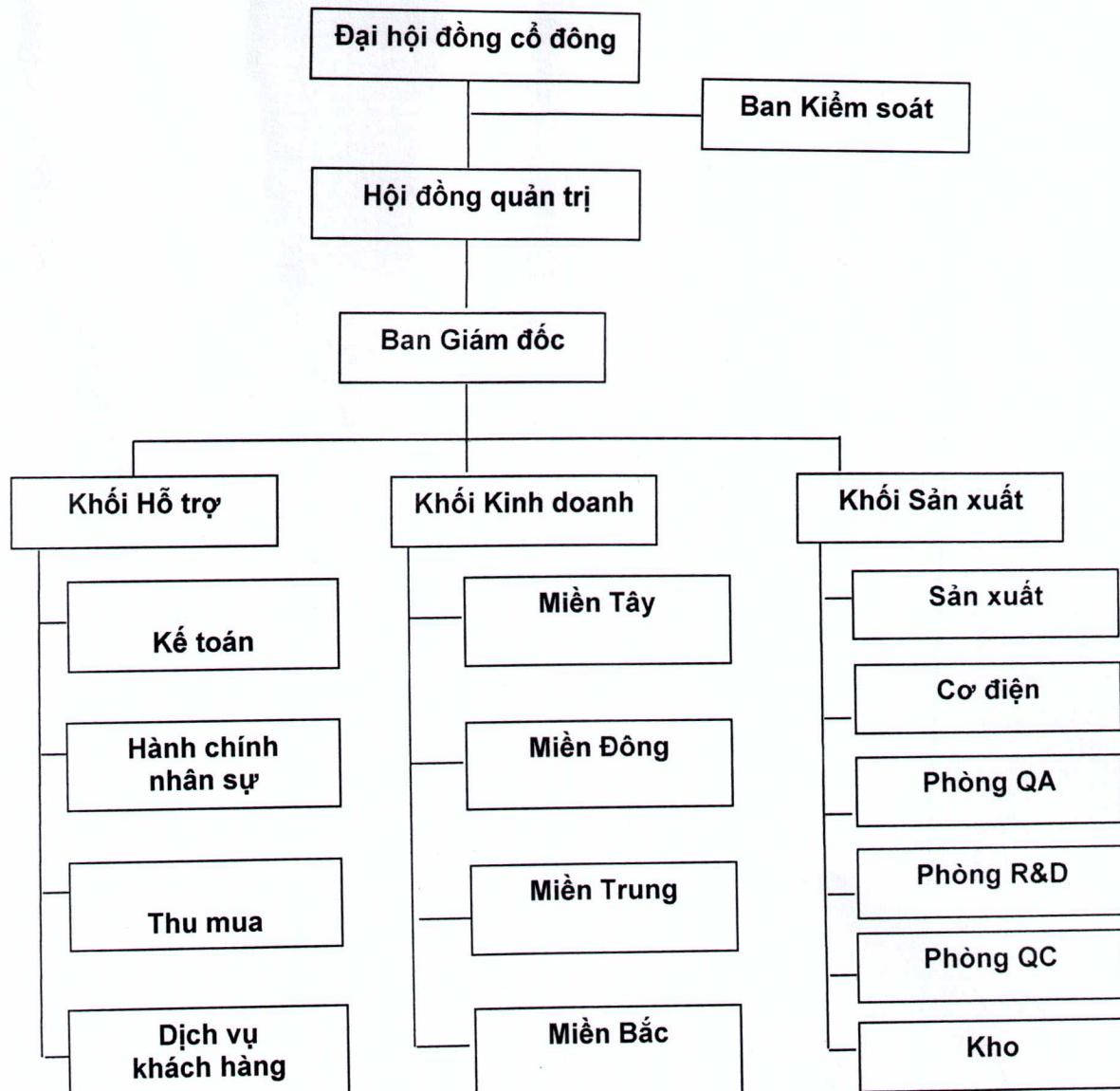
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

MEKOVET có ngành nghề chính là: sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản.

MEKOVET đã đưa sản phẩm vào hệ thống đại lý, trang trại, các công ty phân phối trên toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
- Cơ cấu bộ máy quản lý :



Các công ty con, công ty liên kết:

| Tên công ty | Địa chỉ | MST | Ngành nghề SXKD chính |
|--------------------------------|---|------------|--|
| Công ty cổ phần tập đoàn Mavin | Thị trấn Bô Thới - Xã Hồng Tiến - Huyện Khoái Châu - Hưng Yên | 0900841823 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản |
| Công ty cổ phần Mavin Austfeed | Thị trấn Bô Thới - Xã Hồng Tiến - Huyện Khoái Châu - Hưng Yên | 0900235251 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản. |

| | | | |
|--|---|------------|---|
| Công ty TNHH Austfeed Bình Định | Lô L1-4 Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu B), Khu Kinh tế Nhơn H - Xã Nhơn Hội - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định | 4100984795 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản |
| Công ty TNHH Liên doanh Mavin Austfeed | Cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ - Xã An Nhơn - Huyện Châu Thành - Đồng Tháp | 1402031401 | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản |
| Công ty cổ phần Mavin Duckfarm | Thị trấn Bô Thời - Xã Hồng Tiến - Huyện Khoái Châu - Hưng Yên | 0901069857 | Chăn nuôi gia cầm |
| Công ty cổ phần chăn nuôi Mavin | Thị trấn Bô Thời - Xã Hồng Tiến - Huyện Khoái Châu - Hưng Yên | 0901011896 | Chăn nuôi lợn |

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Tiếp tục xây dựng và phát triển công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong cả nước về lĩnh vực cung ứng thuốc thú y, thủy sản;
- + Tập trung đầu tư về nguồn nhân lực và chất lượng sản phẩm.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Tăng cường quan hệ hợp tác với đối tác và mở rộng thị trường;
- + Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm chủ lực, nâng cao tính cạnh tranh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- + Ủng hộ quỹ nhân ái để góp phần hỗ trợ người nghèo trong cộng đồng và người lao động gặp khó khăn;
- + Tuân thủ các quy định về việc bảo vệ môi trường, kiểm tra thường xuyên hệ thống nước thải, lọc khí, tiếng ồn.. của công ty để duy trì chất lượng đầu ra đảm bảo tiêu chuẩn;
- + Tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao nghiệp vụ cho Cán bộ nhân viên công ty và an toàn trong lao động.

5. Các rủi ro:

- Chi phí nguyên vật liệu tăng cao
- Dịch Covid diễn ra khá phức tạp, xuất hiện nhiều biến thể, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty
- Cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình chăn nuôi năm 2021 vẫn gặp nhiều khó khăn, cộng thêm ảnh hưởng của dịch Covid 19 bùng phát mạnh, biến động nhiều trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhưng nhờ sự sát sao của Hội đồng quản trị Công ty và sự nỗ lực của Cán bộ nhân viên cùng đồng lòng góp sức với nhà nước trong việc áp dụng linh hoạt các biện pháp để vừa phòng chống dịch, vừa sản xuất kinh doanh nên kết quả hoạt động kinh doanh của công ty đã đạt được kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 như sau:

- Tổng doanh thu bán hàng : 131.290.097.767 đồng, (đạt 101% Kế hoạch)
- Lợi nhuận trước thuế : 8.756.665.491 đồng, (đạt 103% Kế hoạch)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp : 1.228.172.572 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 7.528.492.919 đồng

1.1 Kết quả hoạt động trong năm:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021(VND) | Năm 2020(VND) | % 2021/2020 |
|-----|----------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| 1 | Tổng tài sản | 108.565.539.504 | 99.490.358.468 | 109,1 |
| 2 | Doanh thu thuần | 121.759.392.400 | 103.419.568.447 | 117,7 |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐKD | 8.771.443.025 | 7.582.282.647 | 115,7 |
| 4 | Lợi nhuận từ HĐ khác | (14.777.534) | 30.179.525 | (49,0) |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 8.756.665.491 | 7.612.462.172 | 115,0 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 7.528.492.919 | 7.052.865.138 | 106,7 |

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| STT | Chỉ tiêu | KH năm 2021(VND) | TH năm 2021(VND) | % TH/KH |
|-----|----------------------|------------------|------------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | 130.000.000.000 | 131.162.017.640 | 100,9 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 8.450.000.000 | 8.756.665.491 | 103,6 |

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Ban Giám đốc nhiệm kỳ IV năm 2017 – 2022

- Từ ngày 21/04/2017 đến 05/11/2018
 - + Ông Vũ Tiến Đạt
 Tông Giám đốc
- Từ ngày 06/11/2018 đến 12/03/2019
 - + Ông Vũ Tiến Đạt
 - + Ông Đỗ Văn Tài
 Tông Giám đốc
 Giám đốc
- Từ ngày 12/03/2019 đến 31/01/2021
 - + Ông Đỗ Văn Tài
 Giám đốc
- Từ ngày 01/02/2021 đến 31/12/2021
 - + Ông Đỗ Văn Tài
 - + Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền
 Giám đốc
 Phó Giám đốc

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên năm 2021: 114 người

a/ Cơ cấu lao động:

| Cơ cấu | Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2021 |
|--|--|
| Ban Giám đốc | 2 người |
| Người quản lý | 11 người |
| Lao động chuyên môn | 40 người |
| Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh | 61 người |

b/ Về trình độ chuyên môn:

| Trình độ | Số lượng |
|--------------------|----------|
| Thạc sĩ | 2 người |
| Đại học | 38 người |
| Cao đẳng | 10 người |
| Trung cấp | 10 người |
| Công nhân kỹ thuật | 54 người |

2.3 Điều kiện làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ ngày, 6 ngày/ tuần, có chế độ nghỉ ngơi phù hợp giữa ca;
- Phòng làm việc được thiết kế khang trang, sạch sẽ đảm bảo đủ các điều kiện về an toàn, môi trường, đảm bảo sức khỏe người lao động.

2.4 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc;
- Thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng phù hợp để nhân viên gắn bó lâu dài với Công ty;
- Đào tạo: Công ty chú trọng vào việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo về kỹ thuật và kinh doanh.

2.5 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Công ty thực hiện nghiêm túc theo quy định về cho nhân viên hưởng quyền lợi về nghỉ phép, lễ, Tết, các chế độ ốm đau, thai sản;
- Chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của CBNV nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc;

Hàng năm đều có thưởng tết và tổ chức liên hoan để tạo sự điều kiện cho công nhân viên giao lưu với nhau. Số tiền thưởng mang ý nghĩa khích lệ và thể hiện sự quan tâm của công ty dành cho cán bộ công nhân viên.

Về việc chi phúc lợi đúng quy chế công ty trong các trường hợp tang, hỷ....., tổ chức tổ chức họp mặt để chúc mừng những CBCNV nhân ngày kỷ niệm lớn như: ngày Quốc tế phụ nữ, ngày 20/10,..

Tiền lương được chi trả hàng tháng theo đúng quy định, có công bố phiếu lương, có tiếp nhận và giải đáp các thắc mắc liên quan.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4 Về tài chính:

a) Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|---|-----------------|-----------------|----------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng | | | |
| Tổng giá trị tài sản | 99.490.358.468 | 108.565.539.504 | (9,1) |
| Doanh thu thuần | 103.419.568.447 | 121.759.392.400 | (17,7) |

| | | | |
|-----------------------------------|---------------|---------------|--------|
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 7.582.282.647 | 8.771.443.025 | (15,7) |
| Lợi nhuận khác | 30.179.525 | (14.777.534) | 149,0 |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.612.462.172 | 8.756.665.491 | (15,0) |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.052.865.138 | 7.528.492.919 | (6,7) |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 1,2 | 1,5 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> | 0,6 | 0,8 | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 39,5% | 37,6% | |
| + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu | 65,3% | 60,3% | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ + Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 4,3 | 3,7 | |
| + Vòng quay tổng tài Sản/ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | 1,0 | 1,2 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 6,8% | 6,2% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | 11,7% | 11,1% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 7,1% | 6,9% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 7,3% | 7,2% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Tổng số cổ phiếu tính đến 31/12/2021 là: 5.000.038 cổ phiếu phổ thông.

- Cổ phiếu ưu đãi: không có
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 38 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần

| STT | Cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|--------------------|--------------------|---------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 4.851.677 CP | 97% |

| | | | |
|----------|---|---------------------|---------------|
| 1.1 | Cổ đông Nhà nước | | - |
| 1.2 | Cổ đông nội bộ | 974.542 CP | 19,49% |
| 1.3 | Cổ đông là người lao động trong Công ty | 746 CP | 0,015% |
| 1.4 | Cổ đông khác | 3.876.351 CP | 77,5% |
| 1.5 | Cổ phiếu quỹ | 38 CP | 0,001% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 148.361 CP | 3,00 % |
| | Tổng cộng | 5,000,038 CP | 100% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

| Thời gian | Vốn điều lệ trước thay đổi | Vốn điều lệ sau khi thay đổi | Hình thức phát hành |
|---------------|----------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Tháng 01/2008 | 5.000.000.000 | 10.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thường |
| Tháng 07/2011 | 10.000.000.000 | 30.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thường |
| Tháng 04/2016 | 30.000.000.000 | 50.000.380.000 | Phát hành cổ phiếu thường |

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường. Định kỳ hàng năm đều thực hiện báo cáo tác động môi trường và có đo đạc các chỉ số môi trường liên quan để kịp thời khắc phục, bảo dưỡng hệ thống.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu tuân thủ theo tiêu chuẩn GMP-WHO, đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng, quy trình xuất nhập

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Công ty sử dụng năng lượng để sản xuất chủ yếu là nguồn điện, luôn chú trọng các yếu tố tiết kiệm điện năng qua các giải pháp kiểm soát và nâng cao ý thức cho cán bộ nhân viên.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nguồn nước đang sử dụng được lấy từ giếng khoan sâu 150m, qua hệ thống lọc nhiều tầng;
- Duy trì hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn để bảo vệ môi trường, nguồn nước.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Hằng năm, công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

- + Thành lập tổ y tế trong công ty để kịp thời xử lý, sơ cứu các sự cố về sức khỏe, tai nạn (nếu có), hướng dẫn về các biện pháp phòng bệnh trong môi trường tập thể;
 - + Tổ chức tập huấn về an toàn lao động, an toàn hóa chất;
 - + Tổ chức các hoạt động vui chơi tập thể, tham quan, du lịch cho cán bộ nhân viên hằng năm.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty thường xuyên mở các lớp đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn, an toàn cho Cán bộ nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng công tác đào tạo kỹ năng cho nhân viên để góp phần nâng cao năng lực phát triển.
- 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**
- Công ty chung tay góp sức cùng công đoàn cơ sở sinh hoạt, đóng góp vào trách nhiệm cộng đồng chung của địa phương;
 - Nhân sự được tuyển chọn vào công ty được ưu tiên chọn lựa người địa phương để góp phần giải quyết lao động.
- 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| | | |
|--------------------------------------|---|----------------------|
| - Doanh thu và các khoản TN khác | : | 131.290.097.767 đồng |
| - Chi phí | : | 122.533.432.276 đồng |
| Lợi nhuận trước thuế | : | 8.756.665.491 đồng |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | : | 1.228.172.572 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN | : | 7.528.492.919 đồng |

Lợi nhuận sau thuế 2021 đạt 7.528.492.919 đồng tăng 475.627.781 đồng so với năm 2020 - lợi nhuận sau thuế đạt 7.052.865.138 đồng.

2. Báo cáo tình hình tài chính:

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-----|--|-----|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| 1,1 | Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 44,8 | 56,7 |
| 1,2 | Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 55,2 | 43,3 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| 2,1 | Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 37,6 | 39,5 |
| 2,2 | Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 62,4 | 60,5 |
| 3 | Khả năng thanh toán | | | |
| 3,1 | Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 1,5 | 1,2 |
| 3,2 | Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 1,5 | 1,2 |
| 3,3 | Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,8 | 0,6 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| 4,1 | Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh/DT thuần | % | 7,2 | 7,3 |
| 4,2 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 6,9 | 7,1 |
| 4,3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH | % | 11,1 | 11,7 |

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Bước sang năm 2022 với những thay đổi và biến động lớn về kinh tế, chính trị - xã hội trong và ngoài nước sau tác động của dịch Covid, chắc chắn sẽ là thách thức đối với hầu hết doanh nghiệp;
- Tuy nhiên, cũng nhìn nhận rằng nếu cả tập thể cùng nhau cố gắng thì sẽ biến thách thức thành cơ hội, duy trì tiềm lực sẵn có để kết nối, phát triển tương lai;
- Ưu tiên triển khai sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường là một trong những tiêu chí trọng điểm đem lại kết quả khả quan cho doanh nghiệp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:*
 - Công ty đã tuân thủ tốt các quy định về công tác bảo vệ môi trường, quản lý chặt chẽ hệ thống xử lý nước thải, khí thải, để đảm bảo các chỉ tiêu đầu ra đạt tiêu chuẩn;
 - Tích cực tham gia các chương trình vì cộng đồng do địa phương phát động, chung tay góp sức cùng các cơ quan chức năng trong việc vận dụng linh hoạt các phương án để phòng chống dịch covid;
 - Thực hiện đúng các chuẩn mực, các nguyên tắc quản lý hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả, chấp hành quy định của nhà nước.
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*
 - Ban Giám đốc đã thực hiện đúng theo chiến lược đã đề ra theo các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, linh hoạt trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ các quy định;
 - Nâng cao hiệu quả quản lý, triển khai phần mềm ERP trong hoạt động;
 - Điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp để hoàn thành mục tiêu;
 - Nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất và quản lý chi phí hiệu quả.
3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*
 - Công tác phát triển sản phẩm cần được nâng cao để tăng tính cạnh tranh, đa dạng các dòng sản phẩm, đáp ứng thị hiếu, nhu cầu của thị trường;
 - Nâng cao hình ảnh thương hiệu, giá trị doanh nghiệp trên thị trường;
 - Quảng bá và thu hút khách hàng tiềm năng qua các kênh trực tiếp cũng như gián tiếp;
 - Nâng cao giá trị cuộc sống của người lao động;
 - Tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;
 - Thực hiện việc phát triển bền vững, giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

V. Quản trị công ty:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty hiện tại thời điểm ngày 31/12/2021 có 05 người không tham gia điều hành Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Đào Mạnh Lương

| | | | |
|---------------------|--|----------|----------|
| Giới tính | Nam | Quê quán | Hưng Yên |
| Ngày tháng năm sinh | 17/08/1975 | Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Số 26 BT2-X2, Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội | | |

Ông: Đào Mạnh Lương

| | | | | | | |
|--|---|-----------------------|---|--|--|--|
| Nơi sinh | Hưng Yên | Điện thoại | 0903413579 | | | |
| Quốc tịch | Việt Nam | Số CMND: 033075000005 | Cấp ngày: 16/10/2012 tại Cục QLHC về TTXH | | | |
| Trình độ học vấn | 12/12 | | | | | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế | | | | | |
| Quá trình công tác | | | | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2000 đến 2003: Giám đốc khu vực Việt Nam của Brilliant Alternatives Inc (Mỹ); - Từ 2004 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Mavin Austfeed Việt Nam Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin | | | | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Thúy Cai Lậy | | | | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin | | | | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | | | | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không có | | | | | |
| Số cổ phần nắm giữ Trong đó Sở hữu cá nhân Đại diện phần vốn Nhà nước | 974.342 cổ phần (tỷ lệ 19,49 % VĐL) 974.342 cổ phần (tỷ lệ 19,49 % VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) | | | | | |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có | | | | | | |

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: Lê Thành Nam

| | | | |
|---------------------|--|--------------------|--------------------------------------|
| Giới tính | Nam | Quê quán | Hà Nội |
| Ngày tháng năm sinh | 13/12/1978 | Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | 7E1 Nguyễn Văn Trỗi, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | | |
| Nơi sinh | Nam Định | Điện thoại | 0918 202 235 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Số CMND: 272488784 | Cấp ngày: 25/08/2011 tại CA Đồng Nai |
| Trình độ học vấn | 12/12 | | |

Ông: Lê Thành Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

- Từ 2001 đến 2007: Chuyên viên QLDA – Tập đoàn Tân Mai
- Từ 2007 đến 2012: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh – Công ty CP TV và DVTM Giấy Việt
- Từ 2013 đến nay: Giám đốc khu vực phía Nam Công ty Cổ phần chứng khoán MB
Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán MB

| | |
|--|--|
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán MB |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không có |
| Số cổ phần nắm giữ Trong đó Sở hữu cá nhân Đại diện phần vốn Nhà nước | 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |

*Thành viên Hội đồng quản trị***Ông: Ngô Phú Thoa**

| | | | |
|---------------------|--|--|------------|
| Giới tính | Nam | Quê quán | Bắc Ninh |
| Ngày tháng năm sinh | 02/05/1982 | Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Thôn Hồi Quan, xã Tương Quan, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | | |
| Nơi sinh | Bắc Ninh | Điện thoại | 0912734459 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Số CMND: 125050741 Cấp ngày: 13/10/2014 tại CA Bắc Ninh | |
| Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Tiến sĩ | | |

Quá trình công tác

- Từ 2012 đến 2014: Phó trưởng phòng di truyền chọn giống tại Viện NCNT Thủy sản;
- Từ 2015 đến 2017: Phó Giám đốc trung tâm Quốc gia giống thủy sản ngọt miền Bắc, trung tâm công nghệ sinh học thuộc Viện NCNT Thủy sản 1;

Ông: Ngô Phú Thoa

- Từ 2018 đến 2021: Giám đốc Công ty TNHH Thủy sản Mavin Hòa Bình.
- Từ 2021 đến nay: Công tác tại Học viên nông nghiệp

| | |
|--|--|
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược thú y Cai Lậy |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thủy sản Mavin Hòa Bình. |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không có |
| Số cổ phần nắm giữ Trong đó Sở hữu cá nhân Đại diện phần vốn của Nhà nước | 0 cổ phần (tỷ lệ 0,00 % VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0,00% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |

*Thành viên Hội đồng quản trị***Ông: Đào Mạnh Hòa**

| | | | |
|---------------------|--|---|------------|
| Giới tính | Nam | Quê quán | Hưng Yên |
| Ngày tháng năm sinh | 14/07/1977 | Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Số 171 Phúc Tân, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | | |
| Nơi sinh | Hưng Yên | Điện thoại | 0398998899 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Số CMND: 033077012069 | |
| Trình độ học vấn | 12/12 | Cấp ngày: 02/05/2021 tại Cục QLHC về TTXH | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kế toán | | |

Quá trình công tác

Từ 2007 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Austfeed Việt Nam
Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin

| | |
|---------------------------------------|--|
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy |
| | |

Ông: Đào Mạnh Hòa

| | |
|--|--|
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không có |
| Số cổ phần nắm giữ Trong đó Sở hữu cá nhân Đại diện phần vốn của Nhà nước | 0 cổ phần (tỷ lệ 0.0 % VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0.0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Anh Tuấn

| | | | |
|---------------------|---|---|------------|
| Giới tính | Nam | Quê quán | TP Hà Nội |
| Ngày tháng năm sinh | 15/04/1975 | Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Số 55, Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | | |
| Nơi sinh | TP Hà Nội | Điện thoại | 0983456775 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Số CCCD: 001075026079 Cấp ngày: 19/10/2020 tại Cục Quản lý Hành chính về TTXH | |
| Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Marketing | | |

Quá trình công tác

- Từ 1995 đến 1998: Làm việc tại Công ty TNHH TN Development;
- Từ 1998 đến 2005: Làm việc tại Công ty liên doanh Vinapon;
- Từ 2008 đến 2013: Làm việc tại Công ty cổ phần phát triển nhà xã hội HUD.VN;
- Từ 2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty liên doanh thực phẩm Mavin.

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin

| | |
|---|---|
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không có |

Ông: Nguyễn Anh Tuấn

| | |
|--|--|
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không có |
| Số cổ phần nắm giữ Trong đó Sở hữu cá nhân Đại diện phần vốn của Nhà nước | 0 cổ phần (tỷ lệ 00 % VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 00% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị giám sát Ban Giám đốc trong việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời luôn sát sao trong các hoạt động hỗ trợ, định hướng các phương án cần thiết cho hoạt động điều hành

Hội đồng quản trị đã tham gia cuộc họp:

| Số thứ tự | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----------|---------------------|-----------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1 | Ông Đào Mạnh Lương | Chủ tịch HĐQT | 05 | 100% | |
| 2 | Ông Lê Thành Nam | Thành viên HĐQT | 05 | 100% | |
| 3 | Ông Đào Mạnh Hoà | Thành viên HĐQT | 05 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQT | 05 | 100% | |
| 5 | Ông Ngô Phú Thỏa | Thành viên HĐQT | 05 | 100% | |

Nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT:

| Số thứ tự | Số nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----------|--------------------------|------------|---|
| 01 | 01/2021/NQ-HĐQT-MKV | 30/01/2021 | Về việc miễn nhiệm Kế toán trưởng |
| 02 | 02/2021/NQ-HĐQT-MKV | 30/01/2021 | Về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng |
| 03 | 03/2021/NQ-HĐQT-MKV | 30/01/2021 | Về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc điều hành |
| 04 | 04/2021/NQ-HĐQT-MKV | 25/02/2021 | Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 |
| 05 | 05/2021/NQ-ĐHĐCĐ-MKV | 17/04/2021 | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 |
| 06 | 06/2021/NQ-HĐQT-MKV | 28/07/2021 | Về việc tạm hoãn chi cổ tức |

| | | | |
|----|---------------------|------------|--|
| 07 | 06/2021/NQ-HĐQT-MKV | 12/10/2021 | Về việc phê duyệt thế chấp Quyền sử dụng đất |
|----|---------------------|------------|--|

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà: Vũ Thị Hồng Nhung

| | | | |
|---------------------|---|--|------------|
| Giới tính | Nữ | Quê quán | Hưng Yên |
| Ngày tháng năm sinh | 06/08/1989 | Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | 1209A2 – CT 2 Rainbow Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội | | |
| Nơi sinh | Hưng Yên | Điện thoại | 0965512299 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Số CMND: 033189004642 Cấp ngày: 24/07/2021 tại Cục QLHC về TTXH | |
| Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kế toán | | |

Quá trình công tác:

- Từ năm 2010 đến hết năm 2017: làm kế toán tại công ty cổ phần Mavin Austfeed
- Từ năm 2018 đến nay: Kế toán trưởng tại công ty cổ phần Mavin Austfeed
Kiểm soát nội bộ tại công ty cổ phần Mavin Austfeed

| | |
|--|---|
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Thú y Cai Lậy |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Kiểm soát nội bộ tại công ty cổ phần Mavin Austfeed |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không có |
| Số cổ phần nắm giữ Trong đó Sở hữu cá nhân Đại diện phần vốn của Nhà nước | 00 cổ phần (tỷ lệ 0,00 % VĐL) 00 cổ phần (tỷ lệ 0,00 % VĐL) 00 cổ phần (tỷ lệ 0,00 % VĐL) |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: | 200 cổ phần |

Bà: Vũ Thị Hồng Nhung

(tỷ lệ 0,004% VĐL)

Thành viên Ban kiểm soát

Ông: Thân Văn Dũng

| | | | |
|--|---|------------|--|
| Giới tính | Nam | Quê quán | Xã Nhị Quí, Tx.Cai Lậy, Tiền Giang |
| Ngày tháng năm sinh | 19/01/1967 | Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Khu phố Mỹ Lợi, phường Nhị Mỹ, TX.Cai Lậy, Tiền Giang | | |
| Nơi sinh | Xã Nhị Quí, Tx.Cai Lậy, Tiền Giang | Điện thoại | 0984 122 959 |
| Quốc tịch | Việt Nam | Số CMND: | 082067009810 Cấp ngày: 06/07/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. |
| Trình độ học vấn | 12/12 | | |
| Trình độ chuyên môn | Trung cấp Cơ khí | | |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none">- Từ 1989 đến 1992: Công tác Xí nghiệp Cơ khí Bình Phú- Từ 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Quản lý hành chính | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Không có | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không có | | |
| Số cổ phần nắm giữ Trong đó Sở hữu cá nhân Đại diện phần vốn của Nhà nước | 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0% VĐL) 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) | | |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có | | | |



Thành viên Ban kiểm soát

| Bà: Trần Thị Kiều Chinh | | | | | | |
|---|--|------------|---|--|--|--|
| Giới tính | Nữ | Quê quán | Tiền Giang | | | |
| Ngày tháng năm sinh | 28/05/1988 | Dân tộc | Kinh | | | |
| Địa chỉ thường trú | Xã Nhị Quý, Tx. Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | | | | | |
| Nơi sinh | tỉnh Tiền Giang | Điện thoại | 0943077647 | | | |
| Quốc tịch | Việt Nam | Số CMND: | 082188021661 | | | |
| Trình độ học vấn | 12/12 | Cấp ngày: | 12/01/2022 tại - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | | | |
| Trình độ chuyên môn | Đại học Luật | | | | | |
| Quá trình công tác | | | | | | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2010 - 2013: Công ty TNHH Thạch Liên Hưng - Từ 2013 - nay: Công ty cổ phần Dược thú y Cai Lậy | | | | | | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty | Trưởng phòng Hành chính nhân sự | | | | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Không | | | | | |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không có | | | | | |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty | Không có | | | | | |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) | | | | | |
| Trong đó: | | | | | | |
| Sở hữu cá nhân | 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) | | | | | |
| Đại diện phần vốn của Nhà nước | 0 cổ phần (tỷ lệ 0 % VĐL) | | | | | |
| Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có | | | | | | |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng quý, hàng tháng (nếu có), thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, Ban Giám đốc công ty;
- Đánh giá độc lập và giám sát tính hợp lý của các báo cáo tài chính tháng, quý năm, việc chấp hành văn bản chính sách nhà nước;
- Giám sát công tác quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến cổ đông để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Quý cổ đông;
- Phối hợp HĐQT trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc và các phong ban liên quan.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2021:

| Họ và tên | Chức vụ | Thu nhập/ Thù lao (VNĐ) |
|----------------------------|----------------------------|-------------------------|
| Ông Đào Mạnh Lương | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 36,000,000 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Ủy viên Hội đồng quản trị | 24,000,000 |
| Ông Lê Thành Nam | Ủy viên Hội đồng quản trị | 24,000,000 |
| Ông Ngô Phú Thỏa | Ủy viên Hội đồng quản trị | 24,000,000 |
| Ông Đào Mạnh Hòa | Ủy viên Hội đồng quản trị | 24,000,000 |
| Ông Đỗ Văn Tài | Giám đốc | 856.043.043 |
| Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền | Phó Giám đốc | 480.542.119 |
| Bà Vũ Thị Hồng Nhung | Trưởng ban kiểm soát | 24,000,000 |
| Bà Trần Thị Kiều Chinh | Thành viên ban kiểm soát | 236.523.444 |
| Ông Thân Văn Dũng | Thành viên ban kiểm soát | 182.477.486 |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

| Số thứ tự | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại công ty | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----------|---------------------|---------------------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1 | Đào Mạnh Lương | 005 C12 1975 | Chủ tịch HĐQT | | Quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội | 974.342CP | 19,49 % | |
| 1.1 | Đào Mạnh Ưởng | - | NCLQ | | Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 1.2 | Phan Thị Hạnh | - | NCLQ | | Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 1.3 | Triệu Thị Quỳnh Thư | - | NCLQ | | Quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 2 | Lê Thành Nam | - | Thành viên HĐQT | | TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 00CP | 00% | |
| 2.1 | Lê Thành Hưng | - | NCLQ | | TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 00CP | 00% | |
| 2.2 | Nguyễn Thị | - | NCLQ | | TP Biên Hòa, | 00CP | 00% | |

| | | | | | | | | |
|-----|--------------------------|--------------------|-----------------|--|---------------------------------|--------|---------|--|
| | Nhung | | | | tỉnh Đồng Nai | | | |
| 2.3 | Nguyễn Thị Thuỳ Dương | - | NCLQ | | TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 00CP | 00% | |
| 3 | Ngô Phú Thỏa | | Thành viên HĐQT | | Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | 00CP | 00% | |
| 3.1 | Ngô Phú Nham | - | NCLQ | | Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | 00CP | 00% | |
| 3.2 | Nguyễn Thị Hành | - | NCLQ | | Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | 00CP | 00% | |
| 3.3 | Nguyễn Thị Hiền | - | NCLQ | | Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | 00CP | 00% | |
| 4 | Đào Mạnh Hoà | 005 C06 9775 | Thành viên HĐQT | | Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 4.1 | Đào Mạnh Uởng | - | NCLQ | | Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 4.2 | Phan Thị Hạnh | - | NCLQ | | Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 4.3 | Văn Thị Xuân | - | NCLQ | | Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 5 | Nguyễn Anh Tuấn | 005 C06 7568 | Thành viên HĐQT | | Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 5.1 | Trần Thu Phú | - | NCLQ | | Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 5.2 | Nguyễn Thị Lan Hương | 015 C04 9689 | NCLQ | | Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 6 | Vũ Thị Hồng Nhung | - | Trưởng BKS | | Quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội | 00CP | 00% | |
| 6.1 | Đào Mạnh Hiếu | - | NCLQ | | Quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội | 200C P | 0,004 % | |
| 7 | Thân Văn Dũng | - | Thành viên BKS | | Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | 00CP | 00% | |
| 7.1 | Nguyễn Thị Trâm | - | NCLQ | | Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền | 00CP | 00% | |

| | | | | | Giang | | | |
|-----|------------------------|---|-------------------|--|---------------------------------------|------|-----|--|
| 7.2 | Nguyễn Thị Tám | - | NCLQ | | Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | 00CP | 00% | |
| 8 | Trần Thị Kiều Chinh | - | Thành viên BKS | | Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | 00CP | 00% | |
| 8.1 | Trần Văn Bảy | - | NCLQ | | Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | 00CP | 00% | |
| 8.2 | Nguyễn Thị Một | - | NCLQ | | Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang | 00CP | 00% | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: không có
 c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.
 d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng các quy chế nội bộ về quản trị Công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. *Ý kiến kiểm toán*: chấp thuận toàn bộ với báo cáo của công ty

Báo cáo tình hình tài chính:

Xem Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán kèm theo.

1. Bảng cấn đổi kế toán (ngày 31/12/2021)
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021)

VI. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

1. Kiểm toán độc lập:

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN : CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

20th Floor, Bitexco Financial Tower

2 Hải Triều, Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐT : +84 28 38 24 5252 / Fax: +84 28 38245250

Website : <http://www.ey.com>

N: 12
C
C
D
C
L

2. Báo cáo kiểm toán độc lập

BẢN CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

| TÀI SẢN | Mã số | Thuýết minh | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 59.905.539.646 | 43.048.843.558 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 3.069.292.957 | 3.732.130.227 |
| Tiền | 111 | | 3.069.292.957 | 3.732.130.227 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 5 | 6.000.000.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | 6.000.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 20.903.950.833 | 18.395.456.903 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 17.553.689.291 | 17.563.689.704 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 3.188.870.000 | 547.853.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 161.391.542 | 283.914.199 |
| Hàng tồn kho | 140 | 8 | 28.753.119.238 | 20.597.700.303 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 29.123.276.952 | 20.597.700.303 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | | (370.157.714) | |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.179.176.618 | 323.556.125 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 704.997.757 | 244.496.903 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | | | 147.488.868 | - |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 13 | 326.689.993 | 79.059.222 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 48.659.999.858 | 56.441.514.910 |
| Tài sản cố định | 220 | | 47.800.486.082 | 56.179.444.239 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 47.800.486.082 | 56.173.328.110 |
| - Nguyên giá | 222 | | 101.165.897.669 | 101.165.897.669 |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế | 223 | | (53.365.411.587) | (44.992.569.559) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | | 6.116.129 |
| - Nguyên giá | 228 | | 260.000.000 | 260.000.000 |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế | 229 | | (260.000.000) | (253.883.871) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 859.513.776 | 262.070.671 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 859.513.776 | 262.070.671 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 108.565.539.504 | 99.490.358.468 |

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 40.849.434.167 | 39.302.746.050 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 39.349.434.167 | 34.971.271.547 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 12 | 5.636.759.562 | 9.024.256.065 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 12.079.124 | 9.286.387 |
| Thuế và các khoản phải nộp | 313 | 13 | 133.261.474 | 470.047.385 |
| Nhà nước | | | | |
| Phải trả người lao động | 314 | | 1.235.229.752 | 1.068.183.159 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 14 | 7.823.361.838 | 10.430.291.191 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 15 | 39.361.550 | 4.806.920 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 16 | 24.506.611.948 | 14.001.631.521 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | (37.231.081) | (37.231.081) |
| Nợ dài hạn | 330 | | 1.500.000.000 | 4.331.474.503 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 15 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 16 | - | 2.831.474.503 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 67.716.105.337 | 60.187.612.418 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 17.1 | 67.716.105.337 | 60.187.612.418 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 50.000.380.000 | 50.000.380.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.380.000 | 50.000.380.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | (380.000) | (380.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 69.863.124 | 69.863.124 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 17.646.242.213 | 10.117.749.294 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 10.117.749.294 | 3.064.884.156 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 7.528.492.919 | 7.052.865.138 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 108.565.539.504 | 99.490.358.468 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2021 | | Năm 2020 | |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------|------------------------|-------------------|
| | | | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 18.1 | 131.162.017.640 | | 114.822.038.607 | |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | 18.1 | (9.402.625.240) | | (11.402.470.160) | |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 121.759.392.400 | | 103.419.568.447 | |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 19 | (92.159.265.974) | | (74.630.562.872) | |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 29.600.126.426 | | 28.789.005.575 | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 18.2 | | 126.861.925 | | 33.824.510 |
| Chi phí tài chính | 22 | 20 | | (3.357.090.971) | | (4.135.256.490) |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | | (554.304.873) | | (1.990.082.192) |
| Chi phí bán hàng | 25 | 21 | | (11.575.141.003) | | (10.377.003.591) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21 | | (6.023.313.352) | | (6.728.287.357) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 8.771.443.025 | | 7.582.282.647 | |
| Thu nhập khác | 31 | | | 1.218.198 | | 34.400.572 |
| Chi phí khác | 32 | | | (15.995.732) | | (4.221.047) |
| Lợi nhuận khác | 40 | | | (14.777.534) | | 30.179.525 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 8.756.665.491 | | 7.612.462.172 | |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 23.1 | | (1.228.172.572) | | (559.597.034) |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | - | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 7.528.492.919 | | 7.052.865.138 | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 25 | | 1.506 | | 1.411 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 25 | | 1.506 | | 1.411 |

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: Không có

Tiền Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2021
CHỦ TỊCH HĐQT



Đào Mạnh Lương